

Số: 2518/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch
sử dụng đất năm 2025 huyện Kiến Thụy

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua điều chỉnh các công trình, dự án dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố;;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kiến Thụy;

Căn cứ Quyết định số 5064/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiến Thụy;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 340/TTr-SNNMT ngày 24/6/2025; của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy tại Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 20/6/2025.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiến Thụy với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Tổng số 45 dự án/876,94 ha đất thực hiện dự án, cụ thể:

- Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất (Biểu số 01);
- Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất (Biểu số 02);
- Điều chỉnh Kế hoạch thu hồi các loại đất (Biểu số 03);
- Danh mục công trình, dự án thực hiện trong điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất (Biểu số 05).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy có trách nhiệm:

a) Công bố công khai điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

b) Chịu trách nhiệm về căn cứ pháp lý thể hiện trong danh mục các công trình trong điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất trình duyệt; đánh giá mức độ cần thiết phải điều chỉnh và hiệu quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các dự án, công trình theo đúng danh mục dự án, công trình phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng sai mục đích; kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đảm bảo đúng tiến độ đã cam kết trong dự án.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy thực hiện tổ chức thực hiện Quyết định; chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định, trình duyệt Kế hoạch sử dụng đất này.

b) Quản lý, lưu trữ toàn bộ hồ sơ, tài liệu thẩm định, trình duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiến Thụy theo quy định.

3. Các nội dung khác tại Quyết định số 5064/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố không thay đổi.

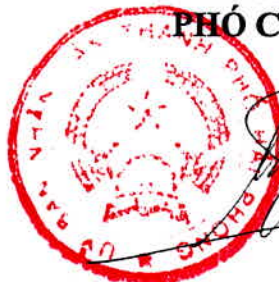
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực III, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBNDTP;
- CVP, các PCVP;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- Công TTĐT TP (đăng công);
- Lưu: VT, ĐC3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

BIỂU 01: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN KIẾN THỤY - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số **2518** /QĐ-UBND ngày **30** / 6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)																	
				TT Núi Đồi	Xã Đông Phương	Xã Thuận Thiên	Xã Hữu Bằng	Xã Đại Đồng	Xã Ngũ Phúc	Xã Kiến Quốc	Xã Đại Hợp	Xã Du Lễ	Xã Thụy Hương	Xã Thanh Sơn	Xã Minh Tân	Xã Đại Hà	Xã Tân Phong	Xã Ngũ Đoàn	Xã Tân Trào	Xã Đoàn Xá	Xã Tú Sơn
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
	Tổng diện tích tự nhiên		10.886,38	144,14	460,20	527,74	666,55	553,54	810,31	822,74	1.098,34	314,86	314,73	364,58	617,89	394,33	692,22	665,06	927,13	827,80	684,22
1	Đất nông nghiệp	NNP	5.706,28	22,17	80,12	305,85	360,63	294,01	337,19	423,66	808,08	205,74	186,82	184,45	337,42	239,41	403,05	419,73	246,55	475,36	376,04
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.115,07	18,43	69,80	250,08	316,73	279,41	247,73	311,56	267,42	192,87	167,92	152,21	294,03	201,79	328,12	331,34	184,52	324,11	177,00
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3.906,48	17,85	69,80	250,08	316,73	279,41	247,73	203,56	267,42	192,87	167,92	152,21	294,03	201,79	328,12	331,34	84,51	324,11	177,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	118,48	0,07	5,44	1,41	3,94	4,68	0,34	0,06	0,12	0,71	0,74	4,88	1,38	8,38	3,46	2,61	-	-	80,26
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	20,76	0,81	0,03	1,08	-	0,13	-	12,66	0,21	1,93	2,98	0,42	-	0,23	-	-	-	0,28	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	514,30	-	-	-	-	-	-	-	514,30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	902,51	2,86	0,74	47,42	36,31	7,37	85,02	98,54	26,03	6,75	15,19	26,94	38,87	23,88	69,57	85,23	62,03	150,97	118,78
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	35,17	-	4,11	5,85	3,66	2,43	4,10	0,84	-	3,48	-	-	3,13	5,13	1,90	0,54	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.144,48	121,97	379,39	221,84	305,92	259,53	456,56	398,58	290,26	109,12	127,85	180,13	280,11	154,92	289,17	235,00	680,58	345,36	308,18
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.342,81	-	145,62	87,35	96,57	87,60	67,12	86,02	67,86	37,86	53,67	53,25	125,72	45,55	93,08	61,61	64,17	85,48	84,28
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	18,40	18,40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,19	2,44	0,15	0,22	0,77	0,27	0,36	0,46	0,45	0,61	0,32	0,28	1,52	0,54	0,42	0,82	0,42	0,47	0,67
2.4	Đất quốc phòng	CQP	42,79	8,93	10,11	-	-	0,07	0,09	0,15	0,87	0,21	7,07	11,41	2,43	-	-	0,09	-	1,31	0,04
2.5	Đất an ninh	CAN	3,05	0,40	0,01	0,02	-	-	-	-	-	0,02	-	-	2,52	0,02	0,04	-	-	-	0,02
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	108,70	10,55	5,62	5,85	4,13	2,13	4,19	3,96	5,15	4,69	5,12	4,29	15,34	4,45	5,69	5,52	6,61	5,19	10,22
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	16,72	3,23	0,95	0,59	1,03	0,44	0,43	0,76	0,69	0,81	0,50	1,11	0,84	0,45	1,42	0,91	0,46	0,96	1,14
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,40	-	-	-	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,30	1,56	0,29	0,38	0,24	0,19	0,11	0,33	0,11	0,21	0,12	0,08	0,13	0,48	0,13	0,12	0,23	0,23	0,36
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	64,00	2,74	3,68	2,78	2,19	1,50	2,23	2,31	1,99	2,47	3,66	2,09	13,88	2,87	2,02	2,78	5,09	3,10	6,62

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)																		
				TT Núi Đồi	Xã Đông Phương	Xã Thuận Thiên	Xã Hữu Bằng	Xã Đại Đồng	Xã Ngũ Phúc	Xã Kiến Quốc	Xã Đại Hợp	Xã Du Lễ	Xã Thụy Hương	Xã Thanh Sơn	Xã Minh Tân	Xã Đại Hà	Xã Tân Phong	Xã Ngũ Đoan	Xã Tân Trào	Xã Đoàn Xá	Xã Tú Sơn	
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	20,33	1,12	0,70	2,10	0,67	-	1,42	0,56	2,36	1,20	0,79	1,01	0,09	0,65	2,11	1,72	0,83	0,90	2,10	
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT																				
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,95	1,90	-	-	-	-	-	-	-	-	0,05	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	575,40	1,27	16,33	6,41	1,95	8,71	141,85	104,88	1,77	0,46	2,00	1,05	2,16	1,19	2,71	0,15	275,78	3,43	3,30	
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	465,43	-	-	-	-	-	140,64	103,00	-	-	-	-	-	-	-	-	221,79	-	-	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	49,97	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	49,97	-	-	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT																				
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,25	0,93	16,06	0,36	1,78	5,66	0,04	-	-	-	2,00	0,90	0,45	-	-	0,07	-	-	2,00	
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	20,61	0,18	0,27	6,05	0,17	3,05	1,17	0,10	1,77	0,46	-	0,15	1,71	1,19	2,71	0,08	-	0,25	1,30	
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	9,14	0,16	-	-	-	-	-	1,78	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,02	3,18	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.037,65	22,85	178,66	76,75	122,81	144,14	128,34	146,65	106,43	57,25	52,54	76,80	97,22	87,47	118,45	119,48	178,56	137,79	185,46	
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.147,30	20,37	104,10	55,91	83,07	90,64	44,55	77,65	31,86	25,16	31,18	48,97	63,58	63,10	53,98	61,28	83,99	81,46	126,44	
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	824,30	1,16	47,16	19,58	38,07	47,36	82,69	68,42	72,82	30,78	16,24	26,40	32,89	22,01	64,10	46,59	93,83	56,00	58,19	
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	12,87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,85	-	-	-	0,13	10,89	-	-	-	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)																		
				TT Núi Đồi	Xã Đông Phương	Xã Thuận Thiên	Xã Hữu Bằng	Xã Đại Đồng	Xã Ngũ Phúc	Xã Kiến Quốc	Xã Đại Hợp	Xã Du Lễ	Xã Thụy Hương	Xã Thanh Sơn	Xã Minh Tân	Xã Đại Hà	Xã Tân Phong	Xã Ngũ Đoan	Xã Tân Trào	Xã Đoàn Xá	Xã Tú Sơn	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	7,99	-	1,10	0,55	1,10	0,20	0,42	0,21	1,37	1,00	0,32	-	0,08	0,34	0,04	0,38	0,56	-	0,32	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	14,99	0,61	9,72	0,01	0,43	2,70	-	0,07	0,01	0,04	0,83	0,44	0,03	0,01	0,01	-	0,06	0,01	-	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,88	0,35	0,03	0,02	0,03	-	-	0,04	-	0,07	0,02	0,01	0,06	0,07	0,05	0,04	-	0,02	0,07	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,59	0,35	0,06	0,43	0,11	0,09	0,68	0,26	0,37	0,20	0,10	0,12	0,58	1,94	0,14	0,30	0,12	0,30	0,44	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	22,74	-	16,48	0,25	-	3,15	-	-	-	-	2,00	0,86	-	-	-	-	-	-	-	
2.9	Đất tôn giáo	TON	28,06	1,14	0,96	3,17	3,11	0,49	1,97	1,38	1,55	0,50	-	2,37	1,20	1,32	1,46	0,42	3,03	0,80	3,19	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	8,21	-	0,47	0,07	0,70	0,47	1,96	0,26	0,48	1,00	0,28	0,39	0,12	0,47	0,70	0,10	0,69	-	0,05	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hòa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	116,33	0,59	5,78	7,41	9,55	5,98	11,57	10,58	8,61	6,53	6,39	7,10	4,17	5,99	5,96	3,39	8,15	4,22	4,35	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	851,44	55,40	15,67	34,59	66,34	9,66	99,11	44,24	97,09	-	-	23,20	27,70	7,93	60,65	43,42	143,17	106,65	16,60	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	28,43	-	6,09	0,20	-	-	-	-	20,11	-	-	-	-	-	-	2,03	-	-	-	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	823,01	55,40	9,58	34,39	66,34	9,66	99,11	44,24	76,98	-	-	23,20	27,70	7,93	60,65	41,39	143,17	106,65	16,60	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,45	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	35,63	-	0,68	0,05	-	-	16,57	0,50	-	-	0,06	-	0,36	-	-	10,33	-	7,08	-	

BIỂU 02: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG TRONG NĂM 2025 HUYỆN KIẾN THỤY - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 2518 /QĐ-UBND ngày 30 / 6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
				TT Núi Đồi	Xã Đông Phương	Xã Thuận Thiên	Xã Hữu Bằng	Xã Đại Đồng	Xã Ngũ Phúc	Xã Kiến Quốc	Xã Đại Hợp	Xã Du Lễ	Xã Thụy Hương	Xã Thanh Sơn	Xã Minh Tân	Xã Đại Hà	Xã Tân Phong	Xã Ngũ Đoàn	Xã Tân Trào	Xã Đoàn Xá	Xã Tú Sơn
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	558,86	0,26	182,89	3,00	0,77	37,64	95,74	11,98			8,86	7,64	0,83	2,14	0,84	3,86	155,31	6,14	40,95
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN																			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	552,61	0,26	174,59	3,00	0,77	22,64	95,74	10,73			8,80	6,75	0,83	2,14	0,84	3,41	150,31	5,14	40,95
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN																			
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0,11											0,11							
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN																			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN																			
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/PNN																			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN																			
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	31,84		8,30			15,00		1,25			0,06	0,78				0,45	5,00	1,00	
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN																			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN																			
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp																				
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP																			
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác cùng nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP																			
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác cùng nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP																			
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP																			
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT																			
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp																				
	Trong đó		21,86		16,06			3,50					1,50	0,80							

BIỂU 05: DANH MỤC CÔNG TRÌNH KẾ HOẠCH 2025 HUYỆN KIẾN THỤY - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số **2518** /QĐ-UBND ngày **30** / 6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
A. Công trình, dự án chuyển tiếp			372,48	11,27	162,94	198,27						
I. Công trình, dự án không thay đổi			322,51	11,27	162,94	148,3						
1	Dự án xây dựng đường trục huyện 407 đoạn từ thôn Cẩm Hoàn, xã Thanh Sơn đến thôn Đồng Rôi, xã Ngũ Đoan	UBND huyện	1,84		1,84		LUC	DGT	Xã Thanh Sơn, xã Ngũ Đoan	Dạng tuyến		- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố; Đã hoàn thành việc thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, phục vụ việc giao đất.
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trạm biến áp 220KV Dương Kinh	Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia	6,22		6,22		LUC	DNL	Xã Đông Phương; Đại Đồng	Nhiều thửa		- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố; Đã hoàn thành việc thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, phục vụ việc giao đất.
3	Dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu vực Đồng Cửa, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy	UBND huyện	1,05	1,05			ODT	ODT	Khu Đồng Cửa, thị trấn Núi Đồi	Thửa 115-168	Tờ bản đồ số 04	- Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao đất cho UBND huyện Kiến Thụy để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu vực Đồng Cửa, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy. Đã hoàn thành việc giao đất, phục vụ việc đấu giá.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu vực Cỏ Sam, thôn Úc Gián, xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy.	UBND huyện	0,31	0,31			ONT	ONT	Khu Cỏ Sam, thôn Úc Gián, xã Thuận Thiên	Thửa đất số 594, 595, 560, 561	Tờ bản đồ số: 02	- Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao đất cho UBND huyện Kiến Thụy để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu vực Cỏ Sam, thôn Úc Gián, xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy. Đã hoàn thành việc giao đất, phục vụ việc đấu giá.
5	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Xuân La, xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy.	UBND huyện	1,31	1,31			ONT	ONT	Thôn Xuân La, xã Thanh Sơn	Thửa đất số 1246-1248, 1325-1330, 1386-1388, 1416-1418, 1420, 1421	Tờ bản đồ số: 01	- Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao đất cho UBND huyện Kiến Thụy để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Xuân La, xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy; - Đã hoàn thành việc giao đất, phục vụ việc đấu giá.
6	Dự án Xây dựng đường phòng chống lụt bão Tân Phong-Đoàn Xá huyện Kiến Thụy (đoạn nối từ đường 401 đến đê biển II Đoàn Xá)	UBND huyện	0,74			0,74	LUC, ONT	DGT	Thôn Lão Phong, xã Tân Phong		Dạng tuyến	- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố; Đã hoàn thành việc thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, phục vụ việc giao đất
7	Dự án đầu tư mở rộng đường ĐT 363 (đoạn	UBND huyện	15,54			15,54	LUC;NTS,DHT	DGT	Xã Đông Phương		Dạng tuyến	- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
	kênh Hòa Bình từ TL 353 đến TL 361) diện tích trên địa bàn huyện Kiến Thụy 17,16ha											chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố; Đã hoàn thành việc thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, phục vụ việc giao đất.
8	Dự án Xây dựng chợ tổng hợp xã Đại Hà	Công ty TNHH thương mại Tiên Thảo	0,12	0,12			DCH	Xã Đại Hà	Nhiều thửa		- Kết luận Thanh tra số 5901/KL-CT ngày 17/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư; xây dựng; quản lý và sử dụng đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách trong việc thực hiện dự án Chợ tổng hợp xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, do công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tiên Thảo làm chủ đầu tư. - Đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, phục vụ việc giao đất giai đoạn 2.	
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại Khu phía Nam NVH, thôn Kim Đới 2, xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy	UBND huyện	1,29	1,29			LUC, DGT, DTL	Thôn Kim Đới 2, xã Hữu Bằng	Thửa số 305-316, 261-275, 219-242, 179-190, 200	Tờ BĐ 29	- Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao đất cho UBND huyện Kiến Thụy để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại Khu phía Nam NVH, thôn Kim Đới 2, xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy; - Đã hoàn thành việc giao đất, phục vụ việc đấu giá.	
10	Xây dựng khu Tái định cư phục vụ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng đường kênh Hòa Bình (đoạn từ TL 353 đến TL 361)	UBND huyện	0,91	0,91			ONT	Thôn Lạng Côn, xã Đông Phương	Nhiều thửa	Số 01	- Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao đất cho UBND huyện Kiến Thụy để thực hiện dự án Xây dựng khu Tái định cư phục vụ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng đường kênh Hòa Bình (đoạn từ TL 353 đến TL 361). - Đã hoàn thành việc giao đất để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư; phục vụ việc giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân.	

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
11	Dự án đầu tư xây dựng đường nối Tỉnh lộ 354 qua khu công nghiệp Kiến Thụy đến đường bộ ven biển xã Đoàn Xá	UBND huyện	34,92		34,90	0,02	LUC, LUA, NTS, DHT, ONT	DGT	Các xã: Ngũ Phúc, Kiến Quốc, Tân Trào, Đại Hà, Ngũ Đoan, Đoàn Xá	Nhiều thửa		<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 2650/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND thành phố về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Tỉnh lộ 354 qua khu công nghiệp Kiến Thụy đến đường bộ ven biển xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy. - Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 và Quyết định 2400/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt dự án và điều chỉnh dự án; - Công văn số 1765/TTg-NN ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép chuyển mục đích đất trồng lúa. Đã hoàn thành việc thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, phục vụ việc giao đất.
12	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Xuân Úc, xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy.	UBND huyện	0,02	0,02		ONT	ONT	Thôn Xuân Úc, xã Thuận Thiên	Thửa đất số 422, 423, 411	Tờ bản đồ số: 03	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Xuân Úc, xã Thuận Thiên huyện Kiến Thụy - Phục vụ đấu giá QSD đất. 	
13	Dự án xây dựng khu tái định cư cho dự án "đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển" và dự án "Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 354 với tuyến đường bộ ven biển" trên	UBND huyện Kiến Thụy	0,02	0,02		LUC	ONT	Xã Tú Sơn	Thửa số 459, 473	TBĐ 05	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 4163/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Giao đất cho UBND huyện Kiến Thụy để thực hiện dự án xây dựng Khu tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển và Dự án xây dựng tuyến đường nối đường tỉnh lộ 354 với tuyến đường bộ ven biển trên địa bàn huyện Kiến Thụy. - Phục vụ giao đất tái định cư. 	

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
	địa bàn huyện Kiến Thụy											
14	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu Đồng Cửa, thôn Xuân La, xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy	UBND huyện	0,91	0,91			ONT	ONT	Thôn Xuân La, xã Thanh Sơn	Thửa số 1246, 1247, 1326-1329, 1384-1387, 1714, 1418, 1420, 1421	Tờ BĐ 01	- Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 05/1/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao đất cho UBND huyện Kiến Thụy để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu Đồng Cửa, thôn Xuân La, xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy; - Đã hoàn thành việc giao đất, phục vụ việc đấu giá.
15	Xây dựng khu Tái định cư phục vụ Dự án ĐTXD tuyến đường nối từ TL 354 qua khu công nghiệp Kiến Thụy đến đường bộ ven biển tại xã Đoàn Xá	UBND huyện	0,55		0,55		LUC	ONT	Thôn Mai Dương xã Ngũ Phúc	Nhiều thửa	Số 03	- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố; - Đã hoàn thành việc thu hồi giải phóng mặt bằng, phục vụ việc giao đất.
16	Dự án xây dựng trụ sở, kho vật chứng Chi cục thi hành án huyện Kiến Thụy	Cục thi hành án dân sự	0,38			0,38	LUC	TSC	Thôn Tân Linh, xã Minh Tân	Nhiều thửa		- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố; - Đã hoàn thành GPMB, phục vụ giao đất.
17	Xây dựng ĐZ và TBS 110kV Kiến Thụy	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	1,07			1,07	LUC, DHT	DNL	Các xã: Thụy Hương, Thanh Sơn, Hữu	Dạng tuyến		- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố; '- Quyết định số 4442/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 chấp

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
									Bảng và thị trấn Núi Đồi		thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Đã hoàn thành việc thu hồi giải phóng mặt bằng, phục vụ việc giao đất	
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư, thôn Trà Phương, (giáp đường 363), xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy	UBND huyện	0,06			0,06	NTS	ONT	Thôn Trà Phương, (giáp đường 363), xã Thụy Hương	Nhiều thửa	- Nghị quyết 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua danh mục các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; danh mục các dự án phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách Nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023 (STT 18 biểu 01). - Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Trà Phương (giáp đường 363), xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy. - Phục vụ giao đất tái định cư cho các gia đình, cá nhân.	
19	Dự án xây dựng Khu đô thị mới tại khu vực quận Dương Kinh và huyện Kiến Thụy	Công ty Cổ phần Vinhomes	133,30		99,34	33,96	LUC, NTS, DGT, DTL,...	ONT, DGT, TMD, DKV	Xã Đại Đồng và xã Đông Phương	Nhiều thửa	- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố; - Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị mới Dương Kinh - Kiến Thụy - Quyết định số 3669/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.	
20	Dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất giấy dếp xuất khẩu tại xã Thuận Thiên,	Công ty TNHH Đầu tư và Thương	3,00			3,00	LUC, HT	SKC	Thôn Xuân Úc, xã Thuận Thiên	Nhiều thửa	TBĐ 03	- Công văn số 5702/UBND-ĐC2 ngày 11/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dũng Hoàng đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện Dự

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
	huyện Kiến Thụy	mại Dũng Hường										<p>án xây dựng nhà xưởng sản xuất giày dép xuất khẩu tại xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 5575/SXD-QHKT ngày 16/12/2022 của Sở Xây dựng tham gia ý kiến nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất giày dép xuất khẩu tại xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy - Công văn số 163/SGTVT-QLCL ngày 16/01/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến thực hiện Dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất giày dép xuất khẩu tại xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy - Công văn số 4241/SKHĐT-KTN ngày 27/12/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Dũng Hường đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện Dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất giày dép xuất khẩu - Đơn đăng ký nhu cầu sử dụng đất.
21	Dự án đầu tư phi nông nghiệp	Công ty Cổ phần đầu tư Tuấn Quốc	2,00			2,00	LUC, HT	TMD	Xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy	Nhiều thửa		<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 3394/VP-QH ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố nhận góp vốn quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. - Công văn số 3537/KHĐT-KTN ngày 09/11/2022 của Sở Kế hoạch đầu tư về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện Dự án sản xuất kinh doanh. - Công văn số 3254/SNN-KHTC ngày 07/11/2022 của Sở Nông nghiệp về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện Dự án sản xuất kinh doanh - Công văn số 3002/SCT-QLTM ngày 11/11/2022 của Sở Công thương về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện Dự án sản xuất kinh doanh - Công văn số 5221/SXD-QHKT ngày 28/11/2022 của Sở Xây dựng tham gia ý kiến nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án sản

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
												xuất kinh doanh - Đơn đăng ký nhu cầu sử dụng đất.
22	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại các xã: Đông Phương, Anh Dũng, Hoà Nghĩa, huyện Kiến Thụy	Ủy ban nhân dân xã Đông Phương	2,73	2,73			ONT	ONT	Xã Đông Phương	Nhiều thửa		- Quyết định số 2772/QĐ-UB ngày 24/11/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã Đông Phương để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư để giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Đông Phương, xã Anh Dũng, xã Hòa Nghĩa huyện Kiến Thụy. - Phục vụ việc giao đất.
23	Dự án xây dựng trường THCS Tân Trào, huyện Kiến Thụy (giai đoạn 1)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kiến Thụy	2,34		2,34		LUC	DGD	xã Tân Trào, xã Đại Hà	Thửa đất số 328, 329, 330, 331	Tờ số 03	- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023 (Số thứ tự 40 Phụ lục I); - Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình; - Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy về việc phê duyệt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
												<p>Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 5907/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Kiến Thụy về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024; - Bản vẽ vị trí khu đất. - Đã hoàn thành thu hồi, giải phóng mặt bằng, phục vụ việc giao đất.
24	Xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Sơn, hạng mục Xây dựng nhà lớp học, phòng chức năng và công trình phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kiến Thụy	0,4		0,4		LUC	DGD	Khu Đồng Cừa, thôn Xuân La, xã Thanh Sơn	Thửa đất số 1242, 1243, 1137, 1138	Tờ số 01	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023 (Số thứ tự 41 Phụ lục I); - Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiến Thụy điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình; - Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình; - Quyết định số 5907/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Kiến Thụy về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024; - Bản vẽ vị trí khu đất. - Đã hoàn thành thu hồi, giải phóng mặt bằng, phục vụ việc giao đất.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
25	Đấu giá đất ở có xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Tân Trào	UBND huyện	0,27	0,27			ONT	ONT	Thôn Kỳ Sơn, xã Tân Trào	Thửa đất số: 327, 328, 329	Tờ số 03	- Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND thành phố về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy để thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Kỳ Sơn, thôn Ngọc Tinh, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy; - Đăng ký Kế hoạch sử dụng đất phục vụ việc Tổ chức đấu giá lại.
26	Đấu giá đất ở xen kẹt tại xã Hữu Bằng (Điểm 2)	UBND huyện	0,29	0,29			ONT	ONT	Thôn Kim Đới 1, xã Hữu Bằng	Thửa số: 72, 73, 108, 108, 111, 125 - 127	Tờ số 36	- Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND thành phố về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy để thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại các xã: Hữu Bằng, Minh Tân, Đoàn Xá, Đại Đồng huyện Kiến Thụy; - Đăng ký Kế hoạch sử dụng đất phục vụ việc Tổ chức đấu giá lại.
27	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu vực Đồng Phú, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy	UBND huyện	0,06	0,06			ODT	ODT	Khu Cẩm Xuân, thị trấn Núi Đồi (Khu Đồng Phú,)	Thửa số: 60 - 74	Tờ số 04	- Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND thành phố về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy để thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy; - Đăng ký Kế hoạch sử dụng đất phục vụ việc Tổ chức đấu giá lại.
28	Dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Ngọc Tinh, thôn Kỳ	UBND huyện	0,36	0,36			ONT	ONT	Thôn Ngọc Tinh, thôn Kỳ Sơn, xã Tân Trào	Thửa đất số 327, 329	Tờ số 03	- Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao đất (đợt 1) cho Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy để thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy;

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
	Som, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy											- Đăng ký Kế hoạch sử dụng đất phục vụ việc Tổ chức đấu giá lại.
29	Dự án Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi Đa Độ và An Kim Hải (Nâng cấp công Hòa Bình dưới đề tài Văn Úc)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng	1,69	1,62	0,07	ONT	DTL	Thôn 2, xã Kiến Quốc	Thửa đất số 168/1; 557; 557/1;	Tờ số 08	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố; '- Quyết định số 3157/QĐ-BNN-KH ngày 19/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chủ trương Dự án Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi Đa Độ và An Kim Hải - Quyết định số 2220/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi Đa Độ và An Kim Hải - Công văn số 4264/UBND-TL ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thực hiện Dự án Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi Đa Độ và An Kim Hải. - Công văn số 306/BNN-KH ngày 17/01/2023 về việc thông báo kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Đa Độ - An Kim Hải. 	
30	Dự án xây dựng THCS, trường mầm non ; Cải tạo sửa chữa nhà văn hoá thôn thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu	UBND huyện Kiến Thụy	0,2		0,2	LUC	DGD	Xã Hữu Bằng	Thửa số 567	Tờ BD giải thửa số 30	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/3/2024 của HĐND thành phố Hải Phòng bổ sung, điều chỉnh Danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất và mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2024 (STT 17; Mục VII; Biểu 01); - Nghị quyết số 212/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện Kiến Thụy về việc Quyết định chủ trương 	

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
	mẫu tại xã Hữu Bằng huyện Kiến Thụy - Hạng mục xây dựng trường Mầm non											dự án; - Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện Kiến Thụy về việc phê duyệt dự án; - Nghị quyết số 292/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Kiến Thụy về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024 (STT 2.1, Biểu số 03); - Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND huyện Kiến Thụy về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết 1/500; - Bản vẽ vị trí khu đất.
	Dự án xây dựng THCS, trường mầm non; cải tạo sửa chữa nhà văn hoá thôn thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hữu Bằng huyện Kiến Thụy - Hạng mục xây dựng trường Trung học cơ sở	UBND huyện Kiến Thụy	0,3			0,3	LUC	DGD	Xã Hữu Bằng	Thửa số 455	Tờ ĐĐ giải thửa số 31	
31	Xây dựng trụ sở Toà án nhân dân Kiến Thụy	Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng	0,45			0,45	LUC, DGT, DTL	TSC	Thôn Tân Linh, xã Minh Tân	Nhiều thửa	Tờ ĐĐ 10	- Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hải Phòng ban hành danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2024 (Số thứ tự 20 Biểu 01); - Quyết định số 03/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về chủ trương đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy; - Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy; - Quyết định số 421/QĐ-TANDTC-KTTC ngày 03/11/2023 của Tòa án nhân dân tối cao về việc điều chỉnh kế hoạch điều chỉnh đầu tư vốn ngân sách năm

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
												2023; - Bản vẽ vị trí.
32	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, nhà lớp học 2 tầng và công trình phụ trợ trường Tiểu học thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Kiên Quốc, huyện Kiên Thụy	UBND huyện	0,8			0,8	LUC	DGD	Xã Kiên Quốc	Thửa: 635 đến 643	Tờ BĐ số 03	- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố;
33	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, công trình phụ trợ trường mầm non thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Ngũ Đoan, huyện Kiên Thụy	UBND huyện	0,30			0,30	NTS	DGD	Xã Ngũ Đoan	Thửa 733	Tờ BĐ số 01	- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố;

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
34	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, công trình phụ trợ trường THCS thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy	UBND huyện	0,40			0,40	LUC	DGD	Xã Ngũ Đoan	Thửa 579, 641, 642, 643, 645, 646, 647	Tờ BĐ số 01	- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố;
35	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng và công trình phụ trợ, nhà thi đấu đa năng trường tiểu học - THCS thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy	UBND huyện	0,10			0,10	LUC	DGD	Xã Tân Phong	- Thửa số 231, 317 - Thửa số 98	- Tờ BĐ số 03 - Tờ BĐ số 02	- Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thành phố về việc thông qua các dự án, công trình dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố;
36	Khu đất đầu tư xây dựng khu dân cư nông thôn mới Đông Phương	UBND huyện	83,60			83,60	LUC, CLN, DGT, NTD,...	ONT, TMD, DGT,...	Xã Đông Phương	Tờ giải thửa số 02 gồm các thửa từ 01-04, 79-88, 95,222, 223, 227-229, 245, 246, 252, 944; tờ bản đồ giải thửa số 03 gồm các thửa 31-109, 118-139		- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/01/2025 của HĐND thành phố về Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
37	Khu đất đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy	UBND huyện	7,14			7,14	LUC, CLN, DGT, NTD,...	ONT, TMD, DGT,...	Xã Thanh Sơn	Tờ bản đồ số 03 gồm các thửa số 1-4, 59-70, 119-120, 125-127, 131, 202,203, 206, 210-2014, 2330239, 276-281, 292-298		'- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/01/2025 của HĐND thành phố về Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026
38	Khu đất đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn tại xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy	UBND huyện	10,03			10,03	LUC, DGT, DTL,...	ONT, TMD, DGT,...	Xã Thụy Hương	Nhiều thửa		'- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/01/2025 của HĐND thành phố về Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026
39	Khu đô thị sinh thái tại phường Anh Dũng, quận Dương Kinh và xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng	UBND huyện	5,49			5,49	LUC, DGT, DTL,...	ONT, TMD, DGT,...	Xã Đông Phương	Nhiều thửa		'- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/01/2025 của HĐND thành phố về Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026
II. Công trình, dự án thay đổi thông tin			49,97	0	0	49,97						

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và quản lý kinh doanh Cụm công nghiệp Tân Trào, huyện Kiến Thụy	Công ty cổ phần Sao Mai Kiến Thụy	49,97			49,97	LUC, NTS	SKN	Xã Tân Trào	Tờ bản đồ giải thửa số 04 gồm các thửa: Từ 04 đến 10; Tờ bản đồ giải thửa số 05 gồm các thửa đất: Từ 783 đến 787, từ 789 đến 837; Tờ bản đồ giải thửa số 07 gồm các thửa đất: 11a+11b, từ 12 đến 20		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua điều chỉnh các công trình, dự án dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (Phụ lục 01, Stt 13); - Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận chủ đầu tư; - Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Cụm công nghiệp Tân Trào, - Bản vẽ vị trí khu đất;
B. Công trình, dự án đăng ký bổ sung			504,46	0	38,95	465,51						
1	Dự án nâng cao chất lượng lưới điện hạ áp đảm bảo cấp điện tại Điện lực Kiến Thụy 2025	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	0,01			0,01	LUC	DNL	Xã Tân phong, xã Kiến Hưng, xã Kiến Quốc	Dạng tuyến		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua điều chỉnh các công trình, dự án dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (Phụ lục 01, Stt 16); - Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp trên địa bàn thành phố; - Quyết định số 1491/QĐ-PCH ngày 23/5/2024 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng về việc thực hiện đầu tư dự án; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
2	Dự án giải phóng mặt bằng + xây dựng mở rộng đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 362 thuộc thôn Cẩm La, xã Thanh Sơn	Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý dự án huyện Kiến Thụy	0,02			0,02	ONT	DGT	Xã Thanh Sơn	Thửa đất số 712 Tờ bản đồ giải thửa số 03 xã Thanh Sơn		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua điều chỉnh các công trình, dự án dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (Phụ lục 01, Stt 14); - Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án giải phóng mặt bằng + xây dựng mở rộng đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 362 thuộc thôn Cẩm La, xã Thanh Sơn; - Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Giải phóng mặt bằng+ xây dựng mở rộng đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 362 thuộc thôn Cẩm La, xã Thanh Sơn; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất.
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường 403 và đoạn từ phà Dương Áo, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng	Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý dự án huyện Kiến Thụy	39,00		38,95	0,05	DHT, NTS	DGT	thôn Lê Xá, xã Tú Sơn	Tờ bản đồ giải thửa số 06 xã Tú Sơn gồm các thửa đất: 09, 10, 11		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua điều chỉnh các công trình, dự án dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (Phụ lục 01, Stt 15); - Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 09/9/2005 và Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 17/6/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt dự án và điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp đường 403 và đoạn từ phà Dương Áo, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất; Tổng diện tích thực hiện dự án là 39 ha, phần diện tích đã giải phóng mặt bằng là 38,95 ha; diện tích còn lại cần thu hồi để thi công nút giao thông tại xã Tú Sơn là 0,05 ha.
4	Dự án đầu tư phát triển kết	Công ty Cổ phần	238,64			238,64	LUC	SKK	Xã Ngũ Phúc,	- Xã Ngũ Phúc: gồm nhiều thửa,		- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua điều



STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí		Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB (ha)	Đã GPMB (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)				Vị trí, số thửa	Số tờ	
	cầu hạ tầng khu công nghiệp Ngũ Phúc (GD1), huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng	Đầu tư Khu công nghiệp Vinhomes Hải Phòng (Công ty VHIZ Hải Phòng)							xã Kiến Quốc	thuộc tờ bản đồ giải thửa số 03, 04, 05, 06 thôn Nghi Dương, Mai Dương, Xuân Đông, Xuân Đoài; - Xã Kiến Quốc: gồm nhiều thửa, thuộc tờ bản số 05, 07, thôn 4, 5, 6, 7, 8.	chỉnh các công trình, dự án dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (Phụ lục 01, Stt 17); - Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 11/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất; - Tổng diện tích đất trồng lúa cần chuyển mục đích là 183,7 ha, trong đó: + Diện tích đất trồng lúa chuyển mục đích kỳ này là 5 ha; + Diện tích đất trồng lúa sẽ thực hiện thủ tục chuyển mục đích trong giai đoạn 2026-2030 là 178,7 ha.	
5	Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Trào (GD1), huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng	Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Vinhomes Hải Phòng (Công ty VHIZ Hải Phòng)	226,79			226,79	LUC	SKK	Xã Kiến Quốc, xã Tân Trào	- Xã Tân Trào: Gồm nhiều thửa, thuộc tờ bản đồ giải thửa số 01, 02, 05, 07, 08 thôn Kim Sơn, thôn Kỳ Sơn, Ngọc Tinh, Đa Ngự; - Xã Kiến Quốc: Gồm nhiều thửa, thuộc tờ bản số 04, thôn 2, 5, 8, 9	- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua điều chỉnh các công trình, dự án dự kiến phải thu hồi đất, các dự án dự kiến phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (Phụ lục 01, Stt 18); - Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 11/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất; - Tổng diện tích đất trồng lúa cần chuyển mục đích là 198,87 ha, trong đó: + Diện tích đất trồng lúa chuyển mục đích kỳ này là 90 ha; + Diện tích đất trồng lúa sẽ thực hiện thủ tục chuyển mục đích trong giai đoạn 2026 - 2030 là 108,87 ha	
	TỔNG: 45 Dự án		876,94	11,27	201,89	663,78						